

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/ HNGĐ - ST

Ngày 25/9/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Cung

Ông Phạm Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2023/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 8 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm 3, thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện nay: thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm 3, thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa có mặt chị T. Vắng mặt anh T2. Anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa chị T trình bày: Chị và anh T2 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 anh T2 có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Chị T nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng cuộc sống vợ chồng không cải thiện được. Từ tháng 3/2023 chị T

đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện V, tỉnh Thanh Hoá sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

- Về con chung: Chị và anh T2 có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh ngày 8/2/2014; cháu Nguyễn Thế V sinh ngày 20/7/2017 và cháu Nguyễn Thanh T3 sinh ngày 2/9/2020. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả ba cháu không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con cho chị. Nếu anh T2 không đồng ý cho chị nuôi cả ba con thì chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh T3 vì hiện tại chị đang nuôi cháu T3 và giao cháu Nguyễn Thị Ngọc D; cháu Nguyễn Thế V cho anh T2 trực tiếp chăm sóc giáo dục đến khi các cháu thành niên. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T2.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai anh T2 trình bày: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị T là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá năm 2015. Trong quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 2/2023 chị T đã bỏ nhà đi đâu anh không biết, anh đã nhiều lần thuyết phục để chị T quay về chung sống nhưng chị T không đồng ý. Đến nay chị T làm đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh ngày 8/2/2014; cháu Nguyễn Thế V sinh ngày 20/7/2017 và cháu Nguyễn Thanh T3 sinh ngày 2/9/2020. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả ba cháu đến khi các cháu thành niên, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh UBND xã Y cung cấp: Chị Hoàng Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn T2 tại xã V, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn anh T2 và chị T về sinh sống tại xóm 3, thôn H, xã Y, huyện Yên Mô. Quá trình chung sống anh T2 và chị T sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Đầu năm 2023 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không sinh sống cùng anh T2 tại địa phương. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh T2, chị T có 3 con chung. Anh T2, chị T đều có đủ điều kiện để nuôi con do vậy đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của các cháu, nguyện vọng của anh T2, chị T để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng thời gian. Các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T. Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh ngày 8/2/2014; cháu Nguyễn Thế V sinh ngày 20/7/2017 cho anh T2 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Giao cháu Nguyễn Thanh T3 sinh ngày 2/9/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc đến khi cháu T3 thành niên. Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thế V cùng anh T2 1.000.000đ/ tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2023 đến khi cháu Vi thành niên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T2 không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị T phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện thì cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại xóm 3, thôn H, xã Y, huyện Yên Mô. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 28 và 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T2 là bị đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T2 là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá vào năm 2015. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị T, anh T2 chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Anh chị đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng cuộc sống vợ chồng không cải thiện được. Từ tháng 3/2023 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2. Trong bản khai anh T2 cũng xác định không còn tình cảm với chị T và đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T, xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2 là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh T2 có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh ngày 8/2/2014; cháu Nguyễn Thế V sinh ngày 20/7/2017 và cháu Nguyễn Thanh T3 sinh ngày 2/9/2020. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả ba cháu không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con và tại phiên toà chị khai đang làm công nhân thu nhập bình quân một tháng là 7.000.000đ ngoài ra còn có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ. Nếu anh T2 không đồng ý cho chị nuôi cả ba cháu thì chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh T3 và để anh T2 trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc D và cháu Nguyễn Thế V và chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng anh T2. Anh T2 có nguyện vọng nuôi cả ba cháu đến khi các cháu thành niên và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy:

Chị T và anh T2 đều lao động tự do nên đều có đủ điều kiện để chăm sóc các cháu phát triển tốt, khi ly hôn anh T2 chị T đều có nguyện vọng xin được nuôi cả ba con. Do vậy khi quyết định giao con cho anh T2 hay chị T chăm sóc nuôi dưỡng các cháu cần xem xét đến điều kiện để các cháu có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường, hạn chế đến mức thấp nhất việc xáo trộn về tâm sinh lý cho các cháu khi bố mẹ ly hôn. Từ đầu năm 2023 anh T2, chị T ly thân thì cháu D và cháu V sinh sống, học tập cùng anh T2 và ông bà nội tại xã Y, huyện Yên Mô; cháu cháu T3 sinh sống cùng chị T tại Thanh Hoá. Tại biên bản hỏi nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Ngọc D, cháu D có nguyện vọng được ở cùng bố và ông bà nội. Cháu Nguyễn Thanh T3 còn nhỏ, mới đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Do vậy để đảm bảo điều kiện cho các cháu phát triển tốt,

không ảnh hưởng đến môi trường học tập và xáo trộn về tâm sinh lý của các cháu, cần giao cho anh Nguyễn Văn T2 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh ngày 8/2/2014; cháu Nguyễn Thế V sinh ngày 20/7/2017 đến khi các cháu thành niên. Giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Thanh T3 sinh ngày 2/9/2020 đến khi cháu T3 thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con. Do anh T2 được giao trực tiếp chăm sóc hai cháu, chị T được giao trực tiếp nuôi dưỡng một cháu. Anh T2 đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, hội đồng xét xử thấy việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với các con khi không trực tiếp nuôi dưỡng các cháu nên cần buộc chị Hoàng Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thế V cùng anh Nguyễn Văn T2 mỗi tháng 1.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10/2023 đến khi cháu V thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh T2 không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5, 6 – Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T. Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T2. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T2 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T2 được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh ngày 8/2/2014 và cháu Nguyễn Thế V sinh ngày 20/7/2017 đến khi các cháu thành niên. Giao cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh T3 sinh ngày 2/9/2020 đến khi cháu T3 thành niên. Chị Hoàng Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thế V cùng anh T2 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2023 đến khi cháu V thành niên.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn T2 có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, chị Hoàng Thị T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị T, anh T2 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Hoàng Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

- Án phí cấp dưỡng: Chị Hoàng Thị T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Tổng án phí chị Hoàng Thị T phải nộp là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2021/0006525 ngày 26/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô. Chị T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T2 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- Đường sự;
- UBND xã Vĩnh Hùng, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

